TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HS-ST
Ngày 20 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị T Hương

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Minh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2019/HSST ngày 15 tháng 10 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo.

Họ và tên: **Cáp Văn T** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1970; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/10 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cáp Văn H - Sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị M - Sinh năm 1947; vợ bà Đặng Thị H - sinh năm 1972; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 02 tiền sự (Ngày 11/11/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn là 24 tháng theo Quyết định số 09/2015/QĐ –TA. Ngày 22/6/2019, bị cáo bị công an phường Mường T xử phạt 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 10/QĐ-XPVPHC, ngày 26/6/2019 bị cáo chấp hành xong quyết định).

Đặc điểm nhân thân: Ngày 15/12/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (theo bản án hình sự sơ thẩm số 12/2010/HSST), ngày 09/02/1011 bị cáo chấp hành xong phần án phí; Ngày 25/12/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (theo bản án hình sự sơ thẩm số 26/2013/HSST), ngày 11/02/2014 bị cáo chấp hành xong phần án

phí.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/8/2019 đến nay bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn Q - sinh năm 1955. Nơi cư trú: phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lò Văn C - sinh năm 1981; Nơi cư trú: Xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Đặng Thị H - sinh năm 1972; Nơi cư trú: Phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 24/7/2019, Cáp Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27F7 - 9768, đi qua phường T, thành phố Đ, do cửa nhà mở, bị cáo nhìn thấy chiếc điện thoại di động, hiệu Oppo A3s, màu tím, kèm 01 sim điện thoại của anh Nguyễn Văn Q đang cắm sạc, để trên tay ghế sát tường bên phải phòng khách (hướng nhìn từ ngoài vào), bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo quay lại, dừng xe trước cửa nhà, quan sát thấy không có người, bị cáo đi bộ vào nhà, tay phải rút sạc, tay trái cầm điện thoại cho vào túi quần bên trái bị cáo đang mặc, rồi điều khiển xe mô tô xuống quán sửa chữa điện thoại của anh Lò Văn C, ở xã N, huyện Đ bán cho anh C được 700.000 đ, khi bán điện thoại bị cáo nói với anh C là điện thoại của bị cáo. Số tiền bán điện thoại bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 52/QĐ ngày 12/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng giá trị tài sản là 2.239.000 (Hai triệu hai trăm ba mươi chín nghìn) đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Tại Bản cáo trạng số: 74/CT- VKSTPĐBP ngày 14/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Cáp Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản có giá trị nên không có khả năng thi hành án, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 48 của

BLHS, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 2.239.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tại phiên tòa, bị hại trình bày: Ông đồng ý với kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Do không thu hồi được chiếc điện thoại nên ông yêu cầu bị cáo bồi thường 2.239.000 đồng, là giá trị chiếc điện thoại kèm sim. Bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại số tiền 2.239.000 đồng.

Tại giai đoạn điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn C trình bày: Ngày 24/7/2019 anh C có mua của bị cáo T một chiếc điện thoại di động, hiệu Oppo A3s, màu tím, kèm 01 sim điện thoại với giá 700.000đ, anh không biết chiếc điện thoại bị cáo bán cho anh là tài sản do trộm cắp mà có. Sau đó anh bán chiếc điện thoại cho hai người phụ nữ dân tộc Thái (anh không biết tên, địa chỉ) với giá 950.000đ. Anh C không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh C 700.000đ và không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27F7 - 9768 là tài sản riêng của bà, bà mua xe cũ của anh Vũ Xuân K vào ngày 10/12/2018 với giá 8 triệu đồng, tiền để mua chiếc xe mô tô là do bố đẻ của bà cho riêng bà, bị cáo là người nghiện ma túy không có nghề nghiệp nên không có thu nhập. Sáng ngày 24/7/2019 bà có nhờ bị cáo T đi cất xe đổ giác, bà không biết bị cáo T sử dụng xe mô tô làm phương tiện trộm cắp tài sản. Bà đã nhận lại chiếc xe mô tô, xe không bị hư hỏng, nên bà không yêu gì đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng truy tố cũng không có tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn C và bà Đặng Thị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra anh C, bà Hiến đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Cáp Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong quá trình giải quyết vụ án phù hợp với nhau, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng 08 giờ ngày 24/7/2019 tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, bị cáo Cáp Văn T đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt một chiếc điện thoại di động, kèm một sim điện thoại có tổng giá trị 2.239.000

đồng của ông Nguyễn Văn Q. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bởi vậy, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã truy tố, kết luận bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[3]. Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, do lười lao động nhưng muốn có tiền để chi tiêu và mua ma túy sử dụng mà bị cáo đã cố ý phạm tội, hành vi trộm cắp của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe và phòng ngừa C cho xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu, cụ thể:

Tiền sự: 02 tiền sự (Ngày 11/11/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn là 24 tháng theo Quyết định số 09/2015/QĐ –TA. Ngày 22/6/2019, bị cáo bị công an phường Mường T xử phạt 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 10/QĐ-XPVPHC, ngày 26/6/2019 bị cáo chấp hành xong quyết định).

Đặc điểm nhân thân: Ngày 15/12/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (theo bản án hình sự sơ thẩm số 12/2010/HSST), ngày 09/02/1011 bị cáo chấp hành xong phần án phí; Ngày 25/12/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (theo bản án hình sự sơ thẩm số 26/2013/HSST), ngày 11/02/2014 bị cáo chấp hành xong phần án phí. Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội (24/7/2019) bị cáo không có án tích.

[5] Xét tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt hành chính, đã từng phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tội trộm cắp tài sản nhưng đã được xóa án tích nên được coi như chưa bị kết án, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, bố bị cáo là người có công, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 2.239.000 đồng. Chính vì vậy Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù là cao so với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy đinh tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét bị cáo không có việc làm ổn định, bị cáo không có tài sản có giá trị nên không có khả năng thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[8] Đối với anh Lò Văn C: Anh Lò Văn C trình bày ngày 24/7/2019 anh có mua của bị cáo một chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A3s, màu tím với giá 700.000đ, sau đó anh đã bán chiếc điện thoại đó cho hai người phụ nữ dân tộc thái (không biết tên, địa chỉ) với giá 950.000đ. Khi anh C mua chiếc điện thoại của bị cáo, anh không biết chiếc điện thoại đó do bị cáo phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với hành vi của anh C.

[9] Về vật chứng vụ án:

Đối với một chiếc xe máy biển kiểm soát 27F7 - 9768, màu trắng bạc mà bị cáo sử dụng để trộm cắp tài sản, là tài sản riêng của bà Hiến, vì bà mua chiếc xe này của anh Vũ Xuân K vào ngày 10/12/2018 với giá 8 triệu đồng, tiền để mua chiếc xe mô tô là do bố đẻ của bà cho riêng bà, bị cáo là người nghiện ma túy không có nghề nghiệp nên không có thu nhập đóng góp vào kinh tế gia đình, trước khi mua chiếc xe máy bị cáo thường xuyên phải đi chấp hành án và chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Bị cáo cũng thừa nhận về nguồn gốc chiếc xe máy như bà Hiến trình bày. Bà Hiến không biết bị cáo sử dụng chiếc xe máy vào việc phạm tội.

Đối với một giấy đăng ký xe mô tô số 0023399 mang tên Vũ Xuân K BKS 27F7 - 9768; một giấy bán xe ngày 10/12/2018, là giấy tờ của bà Đặng Thị H.

Đối với một chứng minh nhân dân số 040189381 mang tên Cáp Văn T, bị cáo T ủy quyền cho bà Hiến nhận hộ.

Các tài sản, giấy tờ trên, do không liên quan đến vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra căn cứ Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả cho chủ sở hữu bà Đặng Thị H và bị cáo là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu của cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ.

(Theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 27/9/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và bà Đặng Thị H).

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn Văn Q yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông giá trị chiếc điện thoại kèm sim là 2.239.000 đồng, bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại. Xét thấy việc thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H đã nhận lại toàn bộ tài sản và anh Lò Văn C không yêu cầu gì đối với bị cáo. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[11]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Cáp Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 12/8/2019).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về bồi thường thiệt hại. Bị cáo Cáp Văn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 2.239.000 đồng (hai triệu hai trăm ba mươi chín nghìn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C, bà Hiến không yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc trả lại tài sản, giấy tờ cho bị cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H của cơ quan cảnh sát điều tra, công an thành phố Đ.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố Đ;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.Đ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bằng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố ĐBP;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.ĐBP;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA

Nguyễn Thị Bằng